

Số: 77/2022/NQ-HĐND

Nam Định, ngày 06 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ tài chính trong hoạt động
khoa học, công nghệ và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo
trên địa bàn tỉnh Nam Định**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH
KHOÁ XIX, KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 06 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy
phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP
ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện
pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh
nghiệp nhỏ và vừa;*

*Thông tư số 27/2018/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính
quy định chế độ tài chính cho hoạt động tổ chức Giải thưởng sáng tạo khoa học
công nghệ Việt Nam, Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu
niên nhi đồng;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ
Tài chính Quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi
nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025;*

Căn cứ Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý tài chính thực hiện chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 57/TTr-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định một số chính sách hỗ trợ tài chính trong hoạt động khoa học, công nghệ và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Nam Định; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:


Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách hỗ trợ tài chính trong hoạt động khoa học, công nghệ và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định Khóa XIX, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2022, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2022 và thay thế Nghị quyết số 42/2017/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ tài chính trong hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Như Điều 2, Điều 3;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HU, HĐND, UBND các huyện, TP;
- Công báo tỉnh; Báo Nam Định;
- Website Chính phủ; Website tỉnh;
- Công TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT. 

CHỦ TỊCH



Lê Quốc Chính



QUY ĐỊNH

Một số chính sách hỗ trợ tài chính trong hoạt động khoa học, công nghệ và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Nam Định

(Kèm theo Nghị quyết số 77/2022/NQ-HĐND

ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách và cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước nhằm khuyến khích, thúc đẩy phát triển hoạt động khoa học, công nghệ và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này áp dụng đối với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Nam Định.

2. Đối với nội dung quy định tại Điều 8 Nghị quyết này, đối tượng áp dụng là doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Nam Định, thuộc đối tượng được hỗ trợ quy định tại Mục II Điều 1 Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Điều kiện hỗ trợ

Các tổ chức, cá nhân được hưởng chính sách hỗ trợ từ Quy định này phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

1. Đang hoạt động sản xuất, kinh doanh và tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành của nhà nước.

2. Không nằm trong các chương trình, dự án, kế hoạch khác và đang được ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với các nội dung được hỗ trợ quy định tại Quy định này.

Chương II NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 4. Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn; quy chuẩn kỹ thuật; hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng; công cụ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh; đảm bảo chất lượng sản phẩm, hàng hoá

1. Hỗ trợ 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp xây dựng, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng cơ bản, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng đặc thù cho ngành, lĩnh vực, tiêu chuẩn về các hệ thống quản lý mới được công bố.

2. Hỗ trợ 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp xây dựng và áp dụng các công cụ cải tiến nâng cao năng suất chất lượng cơ bản, áp dụng các công cụ cải tiến năng suất chất lượng đặc thù cho ngành, lĩnh vực, tiêu chuẩn về các hệ thống quản lý mới được công bố.

3. Hỗ trợ 20 triệu đồng/sản phẩm/năm/doanh nghiệp có sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn quốc tế. Hỗ trợ 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, môi trường, năng lượng, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế.

4. Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, cụ thể:

a) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P), thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng.

b) Hỗ trợ 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế.

5. Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh nghiệp; áp dụng tiêu chuẩn, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng.

Điều 5. Hỗ trợ các hoạt động bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ.

1. Hỗ trợ đăng ký bảo hộ trong nước:

a) Đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh: Mức hỗ trợ 30 triệu đồng/đơn;

b) Đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh: Mức hỗ trợ 15 triệu đồng/văn bằng bảo hộ;

c) Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu thông thường của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh: Mức hỗ trợ 10 triệu đồng/văn bằng bảo hộ;

d) Đăng ký nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận tại Việt Nam: Mức hỗ trợ 30 triệu đồng/đơn;

đ) Đăng ký bảo hộ giống cây trồng tại Việt Nam: Mức hỗ trợ 15 triệu đồng/đơn.

2. Hỗ trợ đăng ký bảo hộ ở nước ngoài:

Hỗ trợ đăng ký bảo hộ ở nước ngoài đối với đơn đăng ký bảo hộ sáng chế, đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới, đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu: 60 triệu đồng/đơn được chấp nhận hợp lệ, các văn bản tương ứng theo quy định của tổ chức quốc tế hoặc quốc gia nộp đơn.

Điều 6. Hỗ trợ tham gia Giải thưởng Chất lượng quốc gia, Giải thưởng Chất lượng quốc tế, các giải thưởng khoa học và công nghệ, các giải thưởng bình chọn về chất lượng và thương hiệu, các hội chợ triển lãm liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng hồ sơ, chi phí tham gia Giải thưởng Chất lượng quốc gia, Giải thưởng Chất lượng quốc tế:

a) Mức hỗ trợ 25 triệu đồng/cơ sở đạt giải thưởng chất lượng quốc gia.

b) Mức hỗ trợ 30 triệu đồng/cơ sở đạt giải thưởng chất lượng quốc tế.

2. Hỗ trợ chi phí xây dựng hồ sơ và chi phí tham gia các giải thưởng khoa học và công nghệ, các giải thưởng bình chọn về chất lượng và thương hiệu:

a) Mức hỗ trợ 15 triệu đồng/cơ sở đạt các giải thưởng về khoa học và công nghệ.

b) Mức hỗ trợ 20 triệu đồng/cơ sở đạt các giải thưởng bình chọn về chất lượng và thương hiệu.

3. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng hồ sơ, chi phí tham gia các hội chợ triển lãm liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ:

a) Mức hỗ trợ 20 triệu đồng/cơ sở/lần tham gia Chợ công nghệ và thiết bị hoặc Hội chợ triển lãm tổ chức tại Việt Nam.

b) Mức hỗ trợ 45 triệu đồng/cơ sở/lần tham gia Chợ Công nghệ và Thiết bị hoặc Hội chợ triển lãm tổ chức tại nước ngoài.

Điều 7. Hỗ trợ đổi mới, tiếp nhận chuyển giao công nghệ

1. Hợp đồng tư vấn xây dựng, thiết lập và đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền được hỗ trợ với mức 50% giá trị hợp đồng tư vấn, nhưng tối đa không quá 10 triệu đồng/hồ sơ đăng ký chứng nhận Hợp đồng chuyển giao công nghệ.

2. Đối với hoạt động đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, hoàn thiện công nghệ có chi phí dưới 500 triệu đồng được hỗ trợ đến 25% giá trị phần công nghệ được đổi mới, cải tiến, áp dụng giải pháp hợp lý hóa sản xuất, hoàn thiện theo dự toán đã được thẩm định phê duyệt, nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng.

Điều 8. Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

1. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia sự kiện ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ), chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dàn dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện: Mức hỗ trợ tối đa không quá 10 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

2. Hỗ trợ tổ chức sự kiện ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Nam Định

a) Kinh phí thuê địa điểm tổ chức sự kiện, chi thông tin tuyên truyền về sự kiện và chi phí hoạt động chung của Ban tổ chức sự kiện (trang trí tổng thể, lễ khai mạc, bế mạc, in ấn tài liệu và các chi phí khác liên quan): Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 45/2019/TT-BTC.

b) Kinh phí chi tiếp các đoàn khách mời; tổ chức hội nghị, hội thảo trong thời gian tổ chức sự kiện theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 74/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị của các cơ quan, đơn vị thuộc địa phương quản lý và Nghị quyết số 56/2019/NQ-HĐND ngày 07/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước của tỉnh Nam Định.

c) Tổ chức cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Nam Định:

- Chi giải thưởng cho các tổ chức, cá nhân đạt giải tại cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp tỉnh tổ chức:

+ Giải nhất: 40 triệu đồng/giải

+ Giải nhì: 32 triệu đồng/giải

+ Giải ba: 24 triệu đồng/giải

+ Giải khuyến khích: 08 triệu đồng/giải

- Các nội dung chi tổ chức xét chọn, chi họp Hội đồng giám khảo, chi thù lao đối với thành viên Ban Tổ chức và Ban Thư ký trong thời gian tổ chức cuộc thi: Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 27/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính cho hoạt động tổ chức Giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam, Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng.

3. Hỗ trợ phát triển hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư 45/2019/TT-BTC.

4. Hỗ trợ phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 45/2019/TT-BTC.

5. Hỗ trợ hoạt động truyền thông về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư 45/2019/TT-BTC.

6. Hỗ trợ hoạt động kết nối mạng lưới khởi nghiệp

a) Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo để kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, đầu tư mạo hiểm ở trong nước, với khu vực và thế giới: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 74/2017/NQ-HĐND và Nghị quyết số 56/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

b) Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, sự kiện khởi nghiệp, kết nối với các chuyên gia khởi nghiệp trong khu vực và trên thế giới: Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư 45/2019/TT-BTC.

7. Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

a) Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trả tiền công lao động trực tiếp:

+ Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định về việc ban hành định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh Nam Định có sử dụng ngân sách nhà nước.

+ Thời gian hỗ trợ: Tối đa không quá 01 năm/doanh nghiệp.

+ Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ: Tối đa không quá 10 doanh nghiệp/năm.

b) Hỗ trợ kinh phí sử dụng dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (gồm: đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp; marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; khai thác, thông tin công nghệ, sáng chế; thanh toán, tài chính; đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, đầu tư, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ): Mức kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 80.000.000 đồng/doanh nghiệp.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Kinh phí hỗ trợ

Nguồn kinh phí thực hiện được trích từ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ đã giao dự toán ngân sách hàng năm của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Những tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo Nghị quyết số 42/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 42/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngoài được hưởng các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này, còn được hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu liên quan đến chính sách được ban hành trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.